

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62/VT.2026

Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Vật Tư Hậu Giang

- Mã chứng khoán: HAM

- Địa chỉ: 184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

- Điện thoại liên hệ: 02923 832 175

- E-mail: hamaco@hamaco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ Phần Vật Tư Hậu Giang công bố Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/2026/NQ-HĐQT ký ngày 31/03/2026 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (chi tiết đính kèm).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn: www.hamaco.com.vn (mục Công bố thông tin).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm**

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2026/NQ-HĐQT ký ngày 31/03/2026.

Người thực hiện công bố thông tin

Người phụ trách quản trị công ty



Huỳnh Việt Hùng

Trong đó:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.638.061 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- 7. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 480.000 cổ phiếu.
- 8. **Tổng giá trị dự kiến phát hành tối đa theo mệnh giá:** 4.800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm triệu đồng*)
- 9. **Giá phát hành:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
- 10. **Nguyên tắc xác định giá phát hành:** bằng mệnh giá.
- 11. **Đối tượng phát hành:** Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (“Công ty/HAMACO”); Cán bộ quản lý của HAMACO và các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO; và cán bộ nhân viên của HAMACO tại thời điểm lập danh sách, đáp ứng tiêu chuẩn tham gia Chương trình ESOP và thuộc danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP do HĐQT thông qua theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.
- 12. **Tiêu chí tham gia Chương trình ESOP:** Là các đối tượng (sau đây gọi tắt là “người lao động” hoặc “NLĐ”) thỏa mãn đủ các tiêu chuẩn như sau:
 - Thành viên HĐQT (*không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT*) tại HAMACO nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công ty;
 - Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO bao gồm: Ban Tổng Giám đốc/ Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng/ Quyền trưởng phòng, Phó phòng, Trưởng Chi nhánh, Quản đốc, Phó Quản đốc, Trưởng trạm có ký hợp đồng lao động và đang làm việc, hưởng lương tại Công ty, các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO tính đến ngày 31/12/2024. Danh sách các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO cụ thể như sau:
 - + Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco (HAMACO sở hữu 81,8% vốn Điều lệ)
 - + Công ty TNHH MTV Hamaco Petro (HAMACO sở hữu 100% vốn Điều lệ)
 - + Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco - Hậu Giang (CTCP Bê tông Hamaco - công ty con của HAMACO sở hữu 100% Vốn Điều lệ)
 - + Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco (HAMACO sở hữu 100% Vốn Điều lệ)
 - Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO đã ký hợp đồng lao động trước thời điểm 01/01/2021.
 - Có những đóng góp vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2021 – 2025.
 - Có nguyện vọng gắn bó lâu dài, tự nguyện tham gia Chương trình ESOP theo các tiêu chuẩn đặt ra;
 - Thành viên tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động nộp đơn xin nghỉ việc/ đơn xin từ nhiệm trước khi kết thúc thời gian thu tiền sẽ không được tiếp tục tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động, không phụ thuộc vào thời gian nộp tiền của người lao động;
 - Không áp dụng đối với: NLĐ bị xử lý kỷ luật lao động hoặc đang trong thời gian chờ

xử lý kỷ luật/chờ xem xét xử lý kỷ luật trong thời gian từ năm 2021 – 2025.

13. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng:

Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm.

14. Hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Các quyền, lợi ích phát sinh từ cổ phiếu ESOP này trong thời gian hạn chế chuyển nhượng nêu tại Điều này sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

15. Xử lý trong trường hợp Người lao động nghỉ việc/ chấm dứt Hợp đồng lao động trong thời gian hạn chế chuyển nhượng:

Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, nếu có Người lao động nghỉ việc hoặc Công ty/ các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO cho thôi việc hoặc các hình thức chấm dứt Hợp đồng lao động khác thì số cổ phiếu đã phát hành cho Người lao động đó sẽ được Công ty mua lại với giá 10.000 đồng/ cổ phiếu và không còn bị hạn chế chuyển nhượng trừ một số trường hợp khác do HĐQT quyết định. Công ty được phép bán ra theo quy định của pháp luật hiện hành.

HĐQT quyết định chi tiết Phương án bán ra số cổ phiếu được Công ty mua lại.

16. Thời gian thực hiện: Sau khi được UBCKNN thông báo nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến từ Quý II/2026.

17. Phương án sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ESOP sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

18. Phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết: Số lượng cổ phiếu chưa chào bán hết theo dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho người lao động khác sao cho giá bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong trường hợp HĐQT vẫn không tìm được người lao động phù hợp, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.

19. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức: Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

20. Thông qua việc thay đổi Văn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ (Mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành.

Điều 2. Thông qua Danh sách người lao động được mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (*Danh sách chi tiết Phụ lục II đính kèm*)

Điều 3. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty CP Vật tư Hậu Giang như sau:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty: 0% (*căn cứ Công văn số 3676/UBCK-PTTT ngày 14/06/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty CP Vật tư Hậu Giang*);

- Công ty không phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài trong đợt phát hành này và hoàn toàn đảm bảo việc phát hành đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty đã báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 4. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cụ thể:

- Tiến hành các thủ tục nộp Hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giải trình các vấn đề liên quan (khi có yêu cầu);
- Chuẩn bị và trình Hội đồng quản trị phê duyệt các hồ sơ liên quan đến việc Đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành;
- Tiến hành các thủ tục Công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
- Phối hợp với đơn vị Tư vấn – CTCP Chứng khoán FPT để thực hiện các công việc có liên quan theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 5. Các Thành viên Hội đồng quản trị giám sát, kiểm tra việc thực hiện; Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo các phòng ban và cá nhân có liên quan căn cứ Nghị quyết thực hiện.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ HOÀNG NAM

PHỤ LỤC I

(đính kèm Nghị quyết HĐQT số 08/KL/HNQ-HĐQT ngày 21/11/2016..)

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH SỐ CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN PHỐI CHO TỪNG ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP

Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) và các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO, cụ thể được xác định như sau:

STT	Đối tượng	Số lượng (cổ phiếu)
I	Thành viên HĐQT (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) tại HAMACO nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công ty; Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO bao gồm: Ban Tổng Giám đốc/ Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng/ Quyền trưởng phòng, Phó phòng, Trưởng Chi nhánh, Quản đốc, Phó Quản đốc, Trưởng trạm	370.000
II	Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO	110.000
	Tổng số	480.000

I. Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) và Nhóm Cán bộ quản lý tại HAMACO và các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO (Gọi tắt là “Nhóm I”)

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT)

Số lượng cổ phiếu được phân phối cho thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) nhiệm kỳ 2021 – 2025 được xác định cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/ người)
1	Chủ tịch HĐQT	39.000
2	Thành viên HĐQT	8.000
	- Kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc	+ 6.000
	- Kiêm nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc	+ 3.000

2. Nhóm Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO

Số lượng cổ phiếu mỗi Người lao động tham gia chương trình ESOP được mua = A + B + C + D

Trong đó:

- A là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên

- B là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc
- C là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc
- D là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo Đóng góp của Người lao động có thành tích đặc biệt cho sự phát triển của Công ty/ các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO

a) Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A):

Hệ số thâm niên được xác định là khoảng thời gian mà CBNV đã làm việc thực tế tại Công ty mẹ - HAMACO và các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO, bao gồm cả trường hợp Người lao động gia nhập làm việc tại Công ty mẹ, sau đó được điều động, luân chuyển hoặc chuyển công tác sang làm việc tại các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO.

- b) Thời gian làm việc được tính liên tục, không gián đoạn, kể từ ngày Người lao động chính thức bắt đầu làm việc tại Công ty mẹ hoặc công ty đầu tiên trong hệ thống HAMACO cho đến ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A) (cổ phiếu/người)
≥ 25 năm	3.500
≥ 15 năm và < 25 năm	2.500
≥ 11 năm và < 15 năm	2.000
≥ 5 năm và < 11 năm	1.500
≥ 1 năm và < 5 năm	500

- c) **Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B):** được xác định dựa trên chức vụ và bộ phận làm việc của Người lao động tham gia chương trình ESOP năm 2026, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B) (cổ phiếu/người)
S1	4.000
S2	3.000
S3	2.500
S4	2.000
S5	1.800
S6	1.500
S7	1.000

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B) (cổ phiếu/người)
S8	800
S9	500
S10	0

Trong đó, Tiêu chuẩn các cấp bậc S1, S2, ... được quy định chi tiết như sau:

Tiêu chí	Tiêu chuẩn vị trí	Công ty (*)
S1	- Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc	HAMACO
S2	- Người phụ trách Quản trị Công ty	HAMACO
	- Kế toán trưởng	
	- Tổng Giám đốc/ Giám đốc	Bê tông, Green, Hậu Giang
S3	- Phó Tổng Giám đốc/ Phó Giám đốc	Bê tông, Green, Hậu Giang
S4	- Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	HAMACO
	- Trưởng ban Xây dựng cơ bản	
	- Trưởng ban Pháp chế	
	- Trưởng phòng	
	- Cửa hàng trưởng	
S5	- Kế toán trưởng	Bê tông, Green, Hậu Giang
S6	- Trưởng Chi nhánh	HAMACO
S7	- Phó phòng	HAMACO
	- Trưởng phòng	Bê tông, Green, Hậu Giang
	- Giám đốc	Petro
S8	- Kế toán trưởng	Petro
S9	- Quyền Trưởng phòng	Bê tông, Green, Hậu Giang
	- Trưởng phòng	Petro
S10	- Quản đốc	Bê tông, Green, Hậu Giang
	- Trưởng trạm	
	- Phó phòng	
	- Phó Quản đốc	
	- Trợ lý Chủ tịch	

(*) Danh sách tên viết tắt của Công ty, các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO như sau:

Tên viết tắt	Tên công ty
HAMACO	Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
Bê tông	Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco
Petro	Công ty TNHH MTV Hamaco Petro
Hậu Giang	Công ty TNHH MTV Bê Tông Hamaco - Hậu Giang
Green	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco

- d) **Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C):** được xác định dựa trên mức độ hoàn thành công việc phân bổ trong năm 2025 của Người lao động tham gia chương trình ESOP, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (cổ phiếu/người)
Hoàn thành công việc $\geq 150\%$	3.500
Hoàn thành công việc $\geq 140\%$ và $< 150\%$	3.000
Hoàn thành công việc $\geq 130\%$ và $< 140\%$	2.500
Hoàn thành công việc $\geq 120\%$ và $< 130\%$	2.000
Hoàn thành công việc $\geq 110\%$ và $< 120\%$	1.800
Hoàn thành công việc $\geq 100\%$ và $< 110\%$	1.500
Hoàn thành công việc $\geq 90\%$ và $< 100\%$	1.000
Hoàn thành công việc $\geq 80\%$ và $< 90\%$	500
Không xếp loại	0

- e) **Số lượng cổ phiếu phân bổ theo Đóng góp của Người lao động có thành tích đặc biệt cho sự phát triển của Công ty/ các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO (D)**
 Công ty xem xét phân bổ cổ phiếu ESOP cho Người lao động có đóng góp nổi bật, lâu dài đối với sự phát triển và hiệu quả hoạt động của Công ty, cụ thể:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu /người)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG			
1.	Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	2.500
2.	Huỳnh Việt Hùng	Người phụ trách QTCT	1.500

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu /người)
3.	Nguyễn Thị Bé Ghí	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	1.500
4.	Nguyễn Hồng Phúc	Trưởng Ban Xây dựng cơ bản	1.500
5.	Khổng Liên Phương	Trưởng Ban Pháp chế	2.000
6.	Trần Thị Thanh Vân	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500
7.	Lâm Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	2.000
8.	Phạm Đức Cường	Trưởng phòng Công nghệ thông tin	1.500
9.	Quách Kim Ngân	Trưởng phòng Mua hàng	1.500
10.	Lục Quốc Cường	Trưởng phòng Bán hàng	1.800
11.	Nguyễn Kim Diệu	Cửa hàng trưởng Trà Nóc	1.800
12.	Võ Hồng Sang	Trưởng phòng Kinh doanh Sơn	1.800
13.	Trần Thanh Tùng	Trưởng Chi nhánh Bạc Liêu	2.000
14.	Hoàng Văn Hùng	Trưởng Chi nhánh Phú Quốc	2.000
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG HAMACO			
1.	Đỗ Xuân Thành	Tổng Giám đốc	2.500
2.	Trần Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.500
3.	Phạm Kim Quỳnh	Kế toán trưởng	1.500
4.	Lý Quốc Toàn	Trưởng phòng Bán hàng	1.500
CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG XANH HAMACO			
1.	Nguyễn Thanh Liêm	Giám đốc	2.500
2.	Nguyễn Thanh Thảo	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500
3.	Vũ Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	1.500
4.	Cao Minh Thiện	Trưởng phòng Kinh doanh	1.500
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG HAMACO - HẬU GIANG			
1.	Nguyễn Thanh Điền	Tổng Giám đốc	2.500
2.	Nguyễn Ngọc Lộc	Trưởng phòng Bán hàng	1.500
3.	Lê Ngọc Viện	Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng	1.500

Lưu ý: Xác định số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng trong nhóm I

Để đảm bảo phân phối hết 370.000 cổ phiếu, ĐHCĐ giao cho HĐQT quyết định phân phối như sau:

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong nhóm I = 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu ESOP của từng người được giữ nguyên.
- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong nhóm I < 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu còn lại được phân phối cho người lao động có số lượng cổ phiếu nhiều nhất trong Danh sách ESOP.
- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong nhóm I > 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu bị dư ra được trừ đi cho người lao động có số lượng cổ phiếu nhiều nhất trong Danh sách ESOP.

II. Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO (Gọi tắt là “Nhóm II”)

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng cổ phiếu} \\ \text{mỗi người lao} \\ \text{động được mua} \\ \text{(ESOP}_i\text{)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng số Cổ phiếu ESOP phát hành} \\ \text{cho cấp độ nhân viên của HAMACO} \\ \text{(T}_{\text{ESOP}_i}\text{)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số điểm của tất cả người lao} \\ \text{động thuộc cấp độ nhân viên của} \\ \text{HAMACO được mua cổ phiếu ESOP} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Số điểm của người lao} \\ \text{động (SCORE}_i\text{)} \end{array}$$

Trong đó:

$$\text{SCORE}_i = a_i * b_i$$

- **T_{ESOP}**: là tổng số cổ phiếu ESOP tối đa phát hành cho cấp độ nhân viên được phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bằng 110.000 cổ phiếu
- **SCORE_i**: Số điểm của Người lao động i được quyền mua
- **a_i**: là hệ số thâm niên của Người lao động i
- **b_i**: là hệ số hoàn thành công việc của cá nhân của Người lao động i

1. Cách xác định các hệ số:

a) Hệ số thâm niên (a)

Hệ số thâm niên được xác định dựa trên thời gian thực tế làm việc của Người lao động (là nhân viên) được tham gia Chương trình ESOP năm 2026 tại Công ty tính đến ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Hệ số thâm niên (a)
1	> = 10 năm	1
2	> = 8 năm và < 10 năm	0,8
3	> = 5 năm và < 8 năm	0,5

b) **Hệ số hoàn thành công việc (b)**

Hệ số hoàn thành công việc được xác định bằng kết quả mức độ hoàn thành những chỉ tiêu được giao và những sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao hiệu suất công việc. Tiêu chí này được xem xét, đánh giá theo thang điểm sau:

STT	Mức độ hoàn thành	Hệ số hoàn thành công việc (b)
1	Hoàn thành công việc $\geq 140\%$	5
2	Hoàn thành công việc $\geq 130\%$ và $< 140\%$	4
3	Hoàn thành công việc $\geq 120\%$ và $< 130\%$	3,5
4	Hoàn thành công việc $\geq 110\%$ và $< 120\%$	3
5	Hoàn thành công việc $\geq 100\%$ và $< 110\%$	2,5
6	Hoàn thành công việc $\geq 90\%$ và $< 100\%$	2
7	Không xếp loại	0

2. **Nguyên tắc làm tròn (nếu có):**

a) Sau khi xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động theo công thức nêu trên, số lượng cổ phiếu ESOP của từng người sẽ được làm tròn tới hàng trăm, như sau:

- Nếu số lẻ sau hàng trăm có giá trị < 50 (làm tròn xuống) thì hàng trăm được giữ nguyên.

Ví dụ số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động sau khi áp dụng công thức nêu trên là 2.512 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, người lao động sẽ được nhận 2.500 cổ phiếu.

- Nếu số lẻ sau hàng trăm có giá trị ≥ 50 (làm tròn lên) thì hàng trăm được cộng thêm một đơn vị.

Ví dụ nếu số lượng cổ phiếu được phân bổ là 2.488 cổ phiếu thì được làm tròn là 2.500 cổ phiếu.

b) Sau khi tính số lượng cổ phiếu mỗi người lao động được phân phối theo nguyên tắc làm tròn trên, để đảm bảo phân phối hết 110.000 cổ phiếu, HĐQT quyết định phân phối như sau:

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II = 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu ESOP của từng người sau khi được làm tròn tới hàng trăm được giữ nguyên theo nguyên tắc làm tròn.
- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II < 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu còn lại được phân phối cho người lao động có tổng điểm cá nhân cao nhất trong Danh sách ESOP.

Trường hợp có từ hai (02) Người lao động trở lên có tổng điểm cá nhân cao nhất bằng nhau, số lượng cổ phiếu còn lại sẽ được phân bổ cho Người lao động có thâm niên công tác lớn nhất trong nhóm Người lao động có tổng điểm cao nhất.

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II > 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu bị dư ra được trừ đi cho người lao động có tổng điểm cá nhân cao nhất trong Danh sách ESOP.

Trường hợp có từ hai (02) Người lao động trở lên có tổng điểm cá nhân cao nhất bằng nhau, số lượng cổ phiếu phân bổ vượt sẽ được điều chỉnh giảm từ Người lao động có thâm niên công tác nhỏ nhất trong nhóm Người lao động có tổng điểm cao nhất.

PHỤ LỤC II

(đính kèm Nghị quyết HĐQT số 08/2024/NQ-HĐQT ngày 31/3/2024)

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2025 CỦA CTCP VẬT TƯ VẬT GIANG (HAMACO)

A. Nhóm I: Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm thành viên độc lập HĐQT) và nhóm cán bộ quản lý tại HAMACO và các công ty thuộc hệ thống của HAMACO

✚ Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm thành viên độc lập HĐQT) Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (cổ phiếu/ người)
1	Lê Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT	39.000
2	Đào Đức Đại	Thành viên HĐQT không điều hành	8.000
3	Mai Bảo Ngọc	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	14.000
4	Lâm Thị Trúc Hà	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	11.000

✚ Nhóm cán bộ quản lý tại HAMACO và các công ty thuộc hệ thống của HAMACO

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C)	Số lượng cổ phiếu phân bổ thêm (D)	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (A+B+C+D) (cổ phiếu/ người)
1.	Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	3.500	4.000	2.500	2.500	12.500
2.	Huỳnh Việt Hùng	Người Phụ trách Quản trị công ty	3.500	3.000	2.500	1.500	10.500

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C)	Số lượng cổ phiếu phân bổ thêm (D)	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (A+B+C+D) (cổ phiếu/người)
3.	Nguyễn Thị Bé Ghí	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	500	2.000	3.000	1.500	7.000
4.	Nguyễn Hồng Phúc	Trưởng Ban Xây dựng cơ bản	1.500	2.000	2.500	1.500	7.500
5.	Khổng Liên Phương	Trưởng ban Pháp chế	2.500	2.000	3.000	2.000	9.500
6.	Trần Thị Thanh Vân	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500	1.500	3.000	1.500	7.500
7.	Lâm Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	1.500	3.000	3.000	2.000	9.500
8.	Huỳnh Tú Mỹ	Phó phòng Kế toán	2.500	1.000	2.000	0	5.000
9.	Nguyễn Quốc Huy	Phó phòng Kế toán	2.500	1.000	2.000	0	5.300
10.	Phạm Đức Cường	Trưởng phòng Công nghệ thông tin	3.500	1.500	2.500	1.500	8.300
11.	Quách Kim Ngân	Trưởng phòng Mua hàng	2.000	1.500	2.500	1.500	8.000
12.	Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Phòng Mua hàng	2.500	1.000	2.000	0	5.000
13.	Lục Quốc Cường	Trưởng phòng Bán hàng	2.500	1.500	2.500	1.800	8.800
14.	Nguyễn Kim Diệu	Cửa hàng trưởng Trà Nóc	3.500	1.500	2.500	1.800	8.800
15.	Võ Hồng Sang	Trưởng phòng Kinh doanh Sơn	2.500	1.500	2.500	1.800	8.800
16.	Nguyễn Công Thoại	Phó Phòng Thiết bị vệ sinh	500	1.000	1.500	0	3.000
17.	Trần Văn Đệ	Trưởng Chi nhánh Tiền Giang	500	1.500	1.500	0	3.500

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C)	Số lượng cổ phiếu phân bổ thêm (D)	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (A+B+C+D) (cổ phiếu/người)
18.	Trần Thanh Tùng	Trưởng Chi nhánh Bạc Liêu	2.500	1.500	2.500	2.000	9.000
19.	Hoàng Văn Hùng	Trưởng Chi nhánh Phú Quốc	2.500	1.500	2.500	2.000	9.000
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG HAMACO							
20.	Đỗ Xuân Thành	Tổng Giám đốc	1.500	3.000	3.000	2.500	10.000
21.	Trần Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc	2.500	2.500	2.000	1.500	8.500
22.	Phạm Kim Quỳnh	Kế toán trưởng	500	1.800	2.500	1.500	6.300
23.	Lý Quốc Toàn	Trưởng phòng Bán hàng	2.000	1.000	2.500	1.500	7.000
24.	Nguyễn Hoàng Phúc	Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng	1.500	1.000	1.000	0	3.500
25.	Trần Quốc Vương	Trưởng Chi nhánh Vĩnh Long	1.500	1.000	1.500	0	4.000
CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG XANH HAMACO							
26.	Nguyễn Thanh Liêm	Giám đốc	500	3.000	3.000	2.500	9.000
27.	Nguyễn Thanh Thảo	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500	1.000	2.500	1.500	6.500
28.	Vũ Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	2.000	1.800	2.500	1.500	7.800
29.	Cao Minh Thiện	Trưởng phòng Kinh doanh	1.500	1.000	2.500	1.500	6.500
30.	Lưu Phước Lộc	Trưởng phòng Quản lý chất lượng	1.500	1.000	2.000	0	4.500

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C)	Số lượng cổ phiếu phân bổ thêm (D)	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (A+B+C+D) (cổ phiếu/người)
31.	Phạm Văn Trà	Quản đốc Xưởng	500	0	2.000	0	2.500
32.	Phạm Văn Sáng	Phó Quản đốc Xưởng	500	0	1.500	0	2.000
33.	Thạch Minh Thy	Phó Quản đốc Xưởng	500	0	1.000	0	1.500
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG HAMACO - HẬU GIANG							
34.	Nguyễn Thanh Điền	Tổng Giám đốc	2.500	3.000	3.000	2.500	11.000
35.	Nguyễn Thị Hằng	Trợ lý Chủ tịch	1.500	0	1.000	0	2.500
36.	Trần Công Thoại	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500	1.000	1.800	0	4.300
37.	Đinh Thị Mỹ Hiền	Phó Phòng Hành chính nhân sự	2.500	0	1.800	0	4.300
38.	Đinh Ngọc Châu	Trưởng phòng Cung ứng	2.500	1.000	1.800	0	5.300
39.	Võ Hiếu Thảo	Trưởng phòng Công nghệ Vận hành	1.500	1.000	1.800	0	4.300
40.	Nguyễn Bằng Lăng	Quyền Trưởng phòng Quản lý chất lượng	1.500	500	1.000	0	3.000
41.	Nguyễn Ngọc Lộc	Trưởng phòng Bán hàng	1.500	1.000	2.500	1.500	6.500
42.	Lê Ngọc Viện	Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng	1.500	1.000	2.500	1.500	6.500



STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C)	Số lượng cổ phiếu phân bổ thêm (D)	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (A+B+C+D) (cổ phiếu/người)
43.	Bùi Quốc Long	Quản đốc Xưởng Bê tông cầu kiện	1.500	0	500	0	2.000
44.	Huỳnh Văn Duy	Trưởng Trạm trộn Tân Phú Thạnh	2.000	0	500	0	2.500
45.	Nguyễn Thị Hà Giang	Phó phòng Quản lý chất lượng	500	0	500	0	1.000
46.	Nguyễn Trường Giang	Phó phòng Dịch vụ Khách hàng	500	0	500	0	1.000
47.	Đặng Sơn Bình	Phó Quản đốc Xưởng Bê tông cầu kiện	1.500	0	500	0	2.000
48.	Nguyễn Văn Đông	Phó Quản đốc Xưởng Bê tông cầu kiện	1.500	0	500	0	2.000
CÔNG TY TNHH MTV HAMACO PETRO							
49.	Phạm Trúc Linh	Giám đốc	1.500	1.000	0	0	2.500
50.	Nguyễn Phúc Thanh	Kế toán trưởng	1.500	800	0	0	2.300
51.	Trần Thị Trúc Kha	Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng	1.500	500	0	0	2.000
52.	Trần Ngọc Thanh	Trưởng phòng Kinh doanh Dầu nhớt	1.500	500	0	0	2.000
53.	Khổng Hoàng Duy	Trưởng phòng Kinh doanh Gas	1.500	500	0	0	2.000
54.	Nguyễn Văn Tạo	Trưởng phòng Kho vận	2.500	500	0	0	3.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C)	Số lượng cổ phiếu phân bổ thêm (D)	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (A+B+C+D) (cổ phiếu/người)
TỔNG CỘNG							370.000



B. Nhóm II: Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số thâm niên (a)	Hệ số quy đổi (b)	Số điểm (a*b)	Số lượng cổ phiếu phân bổ (Làm tròn) (cổ phiếu/ người)
I	BAN XÂY DỰNG CƠ BẢN					
1.	Nguyễn Hữu Phương	Nhân viên Xây dựng cơ bản	0,8	3	2,4	2.100
II	BAN PHÁP CHẾ VÀ THU HỒI CÔNG NỢ		-			
2.	Huỳnh Văn Vương	Nhân viên Pháp chế	0,5	4	2	1.900
III	PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ		-			
3.	Trần Trà Mi	Nhân viên Hành chính nhân sự	0,5	3	1,5	1.400
4.	Mai Thanh Tâm	Nhân viên Hành chính nhân sự	0,5	4	2	1.900
5.	Trần Thị Minh	Nhân viên Văn thư	1	3	3	2.800
6.	Trần Ngọc Phal	Lái xe	0,8	3	2,4	2.300
7.	Hoàng Văn Tuyên	Bảo vệ	1	2	2	1.900
IV	PHÒNG KẾ TOÁN					
8.	Nguyễn Thị Mười	Thủ quỹ	1	3	3	2.800
9.	Hồ Thị Thùy Linh	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
10.	Lâm Anh Thư	Nhân viên Kế toán	1	4	4	3.800



STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số thâm niên (a)	Hệ số quy đổi (b)	Số điểm (a*b)	Số lượng cổ phiếu phân bổ (Làm tròn) (cổ phiếu/ người)
V	PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					
11.	Phạm Đạt Thịnh	Nhân viên IT	0,8	3	2,4	2.300
12.	Nguyễn Anh Thi	Nhân viên IT	0,5	4	2	1.900
VI	BỘ PHẬN BÁN HÀNG CHIẾN LƯỢC					
13.	Mai Thị Liên	Nhân viên Kế toán	0,5	4	2	1.900
VII	PHÒNG MUA HÀNG					
14.	Huỳnh Thanh Lâm	Nhân viên Phòng mua hàng	1	3,5	3,5	3.300
15.	Võ Thị Mỹ Tú	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
16.	Nguyễn Hải Triều	Nhân viên Kế toán	1	2,5	2,5	2.400
VIII	PHÒNG BÁN HÀNG					
17.	Võ Thanh Bình	Nhân viên Bán hàng	1	3,5	3,5	3.300
18.	Nguyễn Thị Đăng Châu	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
19.	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
20.	Dương Thành Đạt	Nhân viên Bán hàng	0,8	3,5	2,8	2.600
21.	Trần Ngọc Đặng	Nhân viên Bán hàng	1	2	2	1.900

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số thâm niên (a)	Hệ số quy đổi (b)	Số điểm (a*b)	Số lượng cổ phiếu phân bổ (Làm tròn) (cổ phiếu/ người)
IX	KHO TRÀ NÓC					
22.	Tạ Khắc Dũng	Thủ kho	1	2,5	2,5	2.400
23.	Hoàng Minh Tuấn	Nhân viên Vận hành	1	2,5	2,5	2.400
24.	Trần Văn Tiên	Nhân viên Vận hành	1	2,5	2,5	2.400
25.	Nguyễn Hoàng Nam	Thủ kho	1	2,5	2,5	2.400
X	PHÒNG KINH DOANH SƠN					
26.	Nguyễn Đỗ Thanh Tuyền	Thủ Kho	1	2,5	2,5	2.400
27.	Thái Thanh Thông	Nhân viên Giao nhận	1	2,5	2,5	2.400
28.	Trần Khắc Lộc	Nhân viên Bán hàng	0,8	2,5	2	1.900
29.	Nguyễn Phúc Hậu	Nhân viên Lái xe	1	2,5	2,5	2.400
30.	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nhân viên Kế toán	1	4	4	3.800
31.	Ngô Mạnh Tuấn	Nhân viên Lái xe	1	2,5	2,5	2.400
32.	Nguyễn Văn Lợi	Bảo vệ	1	2	2	1.900
33.	Trịnh Thị Thanh Trúc	Bảo vệ	1	2	2	1.900
34.	Đình Công Thái	Nhân viên Bán hàng	0,5	2	1	900

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số thâm niên (a)	Hệ số quy đổi (b)	Số điểm (a*b)	Số lượng cổ phiếu phân bổ (Làm tròn) (cổ phiếu/ người)
35.	Nguyễn Văn Ngọc	Nhân viên Giao nhận	1	2	2	1.900
XI	THIẾT BỊ VỆ SINH					
36.	Thạch Khanh	Nhân viên lái xe	1	2	2	1.900
XII	CHI NHÁNH TIỀN GIANG					
37.	Phạm Nhật Hùng Sơn	Nhân viên Bán hàng	0,5	2	1	900
38.	Nguyễn Văn Hòa	Thủ kho	0,5	2	1	900
39.	Võ Quốc Kỳ	Nhân viên Lái xe	0,5	2	1	900
XIII	CHI NHÁNH BẠC LIÊU					
40.	Nguyễn Diễm Kiều	Nhân viên Kế toán	1,00	4	4	3.800
41.	Đặng Hữu Hiền	Nhân viên Lái xe	1	2	2	1.900
42.	Châu Vũ Phương	Nhân viên Vận hành	1	2	2	1.900
43.	Lê Văn Toàn	Nhân viên Lái xe	0,5	2	1	900
44.	Phạm Ngọc Long	Nhân viên Bán hàng	0,5	2	1	900
XIV	CHI NHÁNH PHÚ QUỐC					



STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số thâm niên (a)	Hệ số quy đổi (b)	Số điểm (a*b)	Số lượng cổ phiếu phân bổ (Làm tròn) (cổ phiếu/ người)
45.	Nguyễn Thị Sen	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
46.	Nguyễn Thị Hồng	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
47.	Lê Kim Dũng	Thủ kho	1	2	2	1.900
48.	Dương Minh Tấn	Nhân viên Lái xe	0,5	2	1	900
49.	Nguyễn Quang Duy	Nhân viên Bán hàng	0,5	3	1,5	1.400
	Tổng cộng					110.000